TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HS-ST
Ngày 06-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Văn Diễn;

2.Ông Nguyễn Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2024/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 7 năm 2024, đối với:

Bị cáo Vũ Văn T sinh ngày 07/11/1988; tại: huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: tổ H, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Văn T1, sinh năm 1965 và bà: Lưu Thị H, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Không;

Nhân thân: Bản án số 62/2011/HSST ngày 08/12/2011 xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong án phạt tù ngày 09/11/2012, chấp hành xong án phí và nghĩa vụ dân sự tháng 4/2012; Bản án số 21/2014/HSST ngày 27/02/2014 xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", chấp hành xong án phạt tù ngày 06/6/2014, chấp hành xong án phí tháng 4/2014 và Bản án số 82/2019/HS-ST ngày 17/10/2019 xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*", chấp hành xong án phạt tù ngày 13/7/2020, chấp hành xong án phí tháng 12/2019 – Các bản án trên đều của Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Bị tạm giữ từ ngày 29/3/2024 đến ngày 04/4/2024 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Người chứng kiến:

- Anh Bùi Xuân T2, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ C, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Anh Đoàn Minh H1, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ G, thị trấn A, huyện Q, Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo; vắng mặt anh T2 và anh H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 15 giờ 45 phút ngày 29/3/2024, tại khu vực tổ D, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện Vũ Văn T đang đi bộ một mình có biểu hiện liên quan đến ma túy nên đã yêu cầu về trụ sở Công an thị trấn A để làm việc. Tại đây, trước sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và anh Bùi Xuân T2 cùng anh Đoàn Minh H1, tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện, thu giữ tại túi quần bên phải, phía sau T đang mặc 01 túi nilon trong suốt có nẹp cài màu xanh chứa các hạt tinh thể trong suốt (qua giám định là Methamphetamine có khối lượng là 0,3801 gam). T khai nhận đó là gói ma túy đá của T mua để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để tiếp tục điều tra, làm rõ.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Văn T không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Bản kết luận giám định số 376/KL-KTHS ngày 02/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: "Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,3801gam (*không phẩy ba nghìn tám trăm linh một gam*). Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính Phủ".

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận: Bị cáo thường xuyên sử dụng ma túy. Chiều ngày 29/3/2024, T đi bộ từ nhà ra đường rồi đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết, đến thị trấn Q thì xuống xe, đi bộ đến khu vực thôn L, xã Q, huyện Q mua 01 gói ma túy đá với giá 500.000 đồng của một người đàn không quen biết, rồi giấu vào túi quần bên phải phía sau đang mặc và đi bộ ra thị trấn Q, đi nhờ xe của người không quen biết về khu vực tổ D, thị trấn A thì xuống xe, đi tìm chỗ vắng để sử dụng ma túy bị Công an huyện Q phát hiện, bắt quả tang.

Bản Cáo trạng số 67/CT-VKSQP ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố Vũ Văn T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Vũ Văn T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*";

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/3/2024; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là 01 gói Methamphetamine thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định;

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; bị cáo nói lời sau cùng: nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất ân hận về hành vi mà mình đã thực hiện và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Q lập ngày 29/3/2024, lời khai của người chứng

kiến, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 45 phút ngày 29/3/2024, tại khu vực tổ D, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Vũ Văn T đã có hành vi cố ý cất giấu tại túi quần bên phải, phía sau đang mặc 01 túi Methamphetamin có khối lượng là 0,3801 gam (*không phẩy ba nghìn tám trăm linh một gam*) với mục đích để sử dụng cho bản thân, bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Điều 249 Bộ luật Hình sự: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản".

Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan tâm, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái nòi giống và là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra, việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã 02 lần bị Tòa án kết án về tội "*Trộm cắp tài sản*" và 01 lần về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" mà không chịu tu dưỡng rèn luyện mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường kỷ cương, pháp luật của bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên nên về hình phạt áp dụng đối với bị cáo như mức Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 túi chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại Methamphetamin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, đây là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu để tiêu hủy số ma túy đã thu giữ còn lại sau giám định là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

2.Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Văn T 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29/3/2024.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tuyên tịch thu tiêu hủy 0,3433 gam (*Không phẩy ba nghìn bốn trăm ba mươi ba gam*) mẫu gửi giám định và toàn bộ bao gói thu của Vũ Văn T trong phong bì hoàn trả mẫu vật sau giám định ghi số 443/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T.

4.Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *Bị cáo;*
- *VKSND h. Quỳnh Phụ;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Công an &Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;*
- *TAND & Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan THA hình sự CA h. Quỳnh Phụ;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *UBND thị trấn An Bài, h.Quỳnh Phụ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên